

Số: 5016/QĐ-BNN-TT

Hà Nội, ngày 21 tháng 12 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung mức phí, lệ phí lĩnh vực trồng trọt thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CCP, ngày 17/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Trồng trọt và Chánh Văn phòng Bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính mới ban hành, Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung mức phí, lệ phí lĩnh vực trồng trọt thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (có danh mục cụ thể kèm theo).

Các thủ tục hành chính được công bố theo Quyết định này được ban hành tại Thông tư 04/2015/TT-BNNPTNT ngày 12/02/2015 của Bộ Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn một số nội dung của Nghị định 187/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hoá quốc tế và các hoạt động đại lý, mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hoá với nước ngoài trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản; Thông tư 207/2016/TT-BTC ngày 09/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực trồng trọt và giống cây lâm nghiệp.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Cơ quan, Thủ trưởng các Tổng cục, Cục, Vụ, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

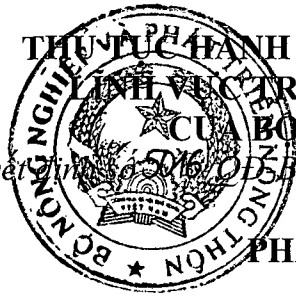
Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC (VPCP);
- UBND các tỉnh, tp trực thuộc TW;
- Cổng thông tin điện tử Bộ;
- Văn phòng Bộ (phòng Kiểm soát TTHC);
- Trung tâm tin học thống kê;
- Lưu: VT, TT, (40)

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Lê Quốc Doanh



PHỤ LỤC:

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG HOẶC THAY THẾ MỨC PHÍ
LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ
CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 216/QĐ-BNN-TT ngày 21 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

PHẦN 1. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Danh mục TTHC mới thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

STT	Lĩnh vực	Tên thủ tục hành chính	Cơ sở pháp lý	Cơ quan thực hiện	Ghi chú
A. Thủ tục hành chính cấp trung ương					
1	Trồng trọt	Cấp giấy phép xuất khẩu giống cây trồng nông nghiệp không có tên trong Danh mục giống cây trồng được phép sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam	Thông tư số 04/2015/TT-BNNPTNT ngày 12/02/2015 của Bộ NN&PTNT hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 187/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế và các hoạt động đại lý mua, bán, gia công và quá cảng hàng hóa với nước ngoài	Cục Trồng trọt	

nb

2. Danh mục TTHC sửa đổi, bổ sung, thay thế mức phí, lệ phí thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

TT	Số hồ sơ TTHC	Tên TTHC	Văn bản quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện	Mức phí, lệ phí sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có)	Mức phí, lệ phí (Theo TT 180/2011/TT-BTC)
A. Thủ tục hành chính cấp trung ương							
1	BNN-288036	Cấp giấy phép nhập khẩu giống cây trồng nông nghiệp không có tên trong Danh mục giống cây trồng được phép sản xuất, kinh doanh ở Việt Nam	Thông tư 207/2016/TT-BTC ngày 09/11/2016	Trồng trọt	Cục Trồng trọt	0 đồng	100.000 đồng/ 01 giấy
2	BNN-288038	Cấp giấy phép xuất/nhập khẩu nguồn gen cây trồng phục vụ nghiên cứu, trao đổi khoa học kỹ thuật	Thông tư 207/2016/TT-BTC ngày 09/11/2016	Trồng trọt	Cục Trồng trọt	0 đồng	100.000 đồng/ 01 giấy
3	BNN-288188	Cấp giấy phép nhập khẩu giống cây trồng biến đổi gen	Thông tư 207/2016/TT-BTC ngày 09/11/2016	Trồng trọt	Cục Trồng trọt	0 đồng	100.000 đồng/ 01 giấy
4	BNN-288174	Chuyển nhượng quyền đối với giống cây trồng được bảo hộ	Thông tư 207/2016/TT-BTC ngày 09/11/2016	Trồng trọt	Cục Trồng trọt	0 đồng	250.000 đồng/lần

5	BNN-288180	Sửa đổi Bằng bảo hộ giống cây trồng	Thông tư 207/2016/TT-BTC ngày 09/11/2016	Trồng trọt	Cục Trồng trọt	0 đồng	100.000 đồng/ 1 Bằng
6	BNN-288181	Cấp lại bằng bảo hộ giống cây trồng	Thông tư 207/2016/TT-BTC ngày 09/11/2016	Trồng trọt	Cục Trồng trọt	0 đồng	100.000 đồng/ 1 Bằng
7	BNN-288182	Cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng	Thông tư 207/2016/TT-BTC ngày 09/11/2016	Trồng trọt	Cục Trồng trọt	0 đồng	100.000 đồng/ 1 người/lần
8	BNN-288183	Cấp lại chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng	Thông tư 207/2016/TT-BTC ngày 09/11/2016	Trồng trọt	Cục Trồng trọt	0 đồng	100.000 đồng/ 1 người/lần
9	BNN-288161	Cấp thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng	Thông tư 207/2016/TT-BTC ngày 09/11/2016	Trồng trọt	Cục Trồng trọt	0 đồng	100.000 đồng/ 1 người/lần
10	BNN-288162	Cấp lại thẻ giám định viên quyền đối với giống cây	Thông tư 207/2016/TT-BTC ngày 09/11/2016	Trồng trọt	Cục Trồng trọt	0 đồng	100.000 đồng/ 1 người/lần
11	BNN-288110	Ghi nhận tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng	Thông tư 207/2016/TT-BTC ngày 09/11/2016	Trồng trọt	Cục Trồng trọt	0 đồng	100.000 đồng/ 1 tổ chức/lần

12	BNN-288158	Ghi nhận sửa đổi thông tin tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng	Thông tư 207/2016/TT-BTC ngày 09/11/2016	Trồng trọt	Cục Trồng trọt	0 đồng	100.000 đồng/ 1 tổ chức/lần
13	BNN-288164	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động giám định quyền đối với giống cây trồng	Thông tư 207/2016/TT-BTC ngày 09/11/2016	Trồng trọt	Cục Trồng trọt	0 đồng	100.000 đồng/ 1 tổ chức/lần
14	BNN-288167	Ghi nhận sửa đổi thông tin tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng	Thông tư 207/2016/TT-BTC ngày 09/11/2016	Trồng trọt	Cục Trồng trọt	0 đồng	100.000 đồng/ 1 tổ chức/lần
15	BNN-288171	Chỉ định lại tổ chức, cá nhân khảo nghiệm DUS giống cây trồng được bảo hộ	Thông tư 207/2016/TT-BTC ngày 09/11/2016	Trồng trọt	Cục Trồng trọt	0 đồng	100.000 đồng/ 1 người/lần
16	BNN-288178	Phục hồi hiệu lực bằng bảo hộ giống cây trồng	Thông tư 207/2016/TT-BTC ngày 09/11/2016	Trồng trọt	Cục Trồng trọt	0 đồng	1.200.000 đồng/1 đơn
17	BNN-288172	Cấp bằng bảo hộ quyền đối với giống cây trồng	Thông tư 207/2016/TT-BTC ngày 09/11/2016	Trồng trọt	Cục Trồng trọt	2.000.000 đồng	2.000.000 đồng/1 lần
18	BNN-288098	Công nhận chính thức giống cây trồng mới	Thông tư 207/2016/TT-BTC ngày 09/11/2016	Trồng trọt	Cục Trồng trọt	4.500.000 đồng/01 lần	Phí Hội đồng công nhận giống cây trồng mới là 4.500.000 đồng/giống

19	BNN-288097	Công nhận đặc cách giống cây trồng mới	Thông tư 207/2016/TT-BTC ngày 09/11/2016	Trồng trọt	Cục Trồng trọt	4.500.000 đồng/01 lần	Phí Hội đồng công nhận giống cây trồng mới là 4.500.000 đồng/giống
20	BNN-288102	Công nhận giống cây trồng cho sản xuất thử	Thông tư 207/2016/TT-BTC ngày 09/11/2016	Trồng trọt	Cục Trồng trọt	4.500.000 đồng/01 lần	Phí Hội đồng công nhận giống cây trồng mới là 4.500.000 đồng/giống
21	BNN-288184	Công nhận đặc cách giống cây trồng biến đổi gen	Thông tư 207/2016/TT-BTC ngày 09/11/2016	Trồng trọt	Cục Trồng trọt	4.500.000 đồng/01 lần	Phí Hội đồng công nhận giống cây trồng mới là 4.500.000 đồng/giống
B. Thủ tục hành chính cấp tỉnh							
1	BNN-288189	Công nhận cây đầu dòng cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm	Thông tư 207/2016/TT-BTC ngày 09/11/2016	Trồng trọt	Sở Nông nghiệp và PTNT	0 đồng	2.000.000 đồng/cây
2	BNN-288190	Công nhận vườn cây đầu dòng cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm	Thông tư 207/2016/TT-BTC ngày 09/11/2016	Trồng trọt	Sở Nông nghiệp và PTNT	0 đồng	500.000 đồng/vườn
3	BNN-288191	Cấp lại Giấy công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng cây công nghiệp cây ăn quả lâu năm	Thông tư 207/2016/TT-BTC ngày 09/11/2016	Trồng trọt	Sở Nông nghiệp và PTNT	0 đồng	1.400.000 đồng/cây 350.000 đồng/vườn

**PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC
PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT
TRIỂN NÔNG THÔN**

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TRUNG ƯƠNG LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT

I. Tên thủ tục hành chính: Cấp giấy phép xuất khẩu giống cây trồng nông nghiệp không có tên trong Danh mục giống cây trồng được phép sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam.

1. Trình tự thực hiện:

1. Trình tự và cách thức: Thương nhân nộp hồ sơ trực tiếp tại cơ quan quản lý chuyên ngành của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc gửi qua đường bưu điện;

a) Bước 1: Thương nhân nộp hồ sơ tại nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: Bộ phận “một cửa” - Văn phòng Cục Trồng trọt;

b) Bước 2: Cục Trồng trọt tiếp nhận hồ sơ và xem xét, hướng dẫn Thương nhân bổ sung những nội dung còn thiếu hoặc chưa đúng quy định trong trường hợp Thương nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc trong vòng 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ trong trường hợp tiếp nhận hồ sơ thông qua đường bưu điện;

c) Bước 3: Thời gian bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ chưa đầy đủ: không quá 03 (ba) tháng kể từ ngày nhận hồ sơ lần đầu. Nếu quá thời hạn trên, thương nhân không bổ sung hoàn chỉnh hồ sơ thì phải nộp hồ sơ mới;

d) Bước 4: Trường hợp hồ sơ đầy đủ theo quy định, trong thời hạn tối đa 05 (năm) ngày làm việc (ngoại trừ các trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 5 Nghị định số 98/2011/NĐ-CP ngày 26/10/2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về Nông nghiệp), Cục Trồng trọt phải cấp Giấy phép nhập khẩu, xuất khẩu hoặc thông báo bằng văn bản lý do không cấp Giấy phép nhập khẩu, xuất khẩu.

2. Cách thức thực hiện:

- Trực tiếp,
- Bưu điện.

3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Hồ sơ gồm:

- Đơn đăng ký xuất khẩu theo mẫu số 01/TT ban hành kèm theo Thông tư 04/2015/TT-BNNPTNT;

- Tờ khai kỹ thuật theo mẫu số 02/TT ban hành kèm theo Thông tư 04/2015/TT-BNNPTNT;

- Bản sao chụp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (đối với trường hợp phải đăng ký) hoặc Giấy chứng nhận đầu tư (đối với trường hợp doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài); chứng minh thư hoặc hộ chiếu (đối với cá nhân).

- Trường hợp xuất khẩu phục vụ nghiên cứu, hợp tác quốc tế phải bổ sung một (01) bản sao chụp thỏa thuận hợp tác bằng tiếng nước ngoài kèm theo một (01) bản dịch sang tiếng Việt có chữ ký xác nhận của cơ quan dịch thuật hoặc của thương nhân đăng ký xuất khẩu.

- Trường hợp xuất khẩu tham gia hội chợ, triển lãm phải bổ sung một (01) bản sao chụp Giấy xác nhận hoặc Giấy mời tham gia hội trợ, triển lãm bằng tiếng nước ngoài kèm theo một (01) bản dịch sang tiếng Việt có chữ ký xác nhận của cơ quan dịch thuật hoặc của thương nhân đăng ký xuất khẩu;

- Trường hợp xuất khẩu làm quà tặng phải bổ sung một (01) bản sao chụp giấy chứng nhận giữa hai bên bằng tiếng nước ngoài kèm theo một (01) bản dịch sang tiếng Việt có chữ ký xác nhận của cơ quan dịch thuật hoặc của thương nhân đăng ký xuất khẩu;

b) Số lượng: 01 (bộ)

4. Thời hạn giải quyết:

Cấp giấy phép hoặc thông báo bằng văn bản trong 05 (năm) ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ theo quy định.

5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

a) Tổ chức;

b) Cá nhân.

6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cục Trồng trọt

7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép xuất khẩu

8. Lệ phí: Không

9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

a) Đơn đăng ký nhập khẩu theo mẫu số 01/TT ban hành kèm theo Thông tư 04/2015/TT-BNNPTNT;

b) Tờ khai kỹ thuật theo mẫu số 02/TT ban hành kèm theo Thông tư 04/2015/TT-BNNPTNT.

10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư số 04/2015/TT-BNNPTNT ngày 12/02/2015 hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 187/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế và các hoạt động đại lý mua, bán, gia công và quá cảnh hàng hóa với nước ngoài.

Mẫu số 01/TT: ĐƠN ĐĂNG KÝ XUẤT KHẨU GIỐNG CÂY TRỒNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 04 /2015/TT-BNNPTNT

ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT)

Tên tổ chức, cá nhân đăng ký **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số

....., ngày..... tháng..... năm

ĐƠN ĐĂNG KÝ XUẤT KHẨU GIỐNG CÂY TRỒNG
REGISTRATION APPLICATION OF VARIETY EXPORTATION

Kính gửi: Cục Trồng trọt, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

To: Department of Crops Production - MARD

- Tên của tổ chức, cá nhân đăng ký xuất khẩu giống:

(Name of the Organization, individual applying the registration for variety exportation):

- Địa chỉ (Address):

- Điện thoại, Fax, Email (Tel, Fax, Email):

- Thông tin về giống xuất khẩu: Basic information on variety

TT	Tên giống (Variety Name)	Tên khoa học (Scientific name)	Loại hình (hạt, cây, hom, mắt ghép...) Material: (seeds, plan, cutting, budwood...)	Đơn vị Tính (Unit)	Số lượng nhập (The quantity of importation)	Nơi xuất (original of exportation)
	Tổng (total)					

- Lần xuất khẩu (export time): Lần đầu (first) Lần thứ (next).....

- Mục đích xuất khẩu (Purposes of exportation):

Nghiên cứu (Research)

Khảo nghiệm (Evaluation)

Sản xuất thử (Test production)

Quà tặng (Gift)

Hội trợ, Triển lãm (Exhibition)

Hợp tác quốc tế (International Cooperation)

Mục đích khác (Other Purposes):

- Quy mô, địa điểm dự kiến gieo trồng: (nếu nhiều giống, lập Danh sách kèm theo):

Estimation for planting scale and location: (If more than one variety, a variety list needs to be attached)

- Cửa khẩu xuất (Border/gate for exportation):.....

- Thời hạn xuất khẩu (permitted time of exportation).....

- Kèm theo đây là các tài liệu liên quan (Attached with related documents):

Tờ khai kỹ thuật (Technical Declaration)

Giấy chứng nhận ĐKKD (Certificate of Business Registration)

Giấy chứng nhận Đầu tư (.....)

Giấy tờ khác (Other papers).....

- Chúng tôi xin cam kết (engagements): Báo cáo kết quả xuất khẩu giống về Cục Trồng trọt.

(Exportation result report of the variety to the Department of Crop Production)

Đề nghị Cục Trồng trọt xem xét và giải quyết./.

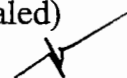
(Proposal and submittment to the Department of Crop Production. /.)

....., ngày..... tháng..... năm

Date,

Thương nhân xin đăng ký

(Ký tên, đóng dấu) Organization/individual of registration (Signed, Sealed)



Mẫu số 02/TT: TỜ KHAI KỸ THUẬT

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 04 /2015/TT-BNNPTNT
ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT)*

TỜ KHAI KỸ THUẬT

Technical Declaration

*(Kèm theo Đơn đăng ký xuất khẩu số..... ngày... tháng.... năm...) (Enclosed with the
registrating application form on the export of number... ..day. month. year)*

1. Thông tin về tổ chức, cá nhân (Information of Organization, individual)

- Tên của tổ chức, cá nhân đăng ký xuất khẩu giống:

(Name of Organization, individual of registration to export plant variety):

- Địa chỉ (Address):

- Điện thoại, Fax, Email (Tel, Fax, Email):.....

2. Thông tin về giống (Basic Information of the variety)

- Tên giống: (Name of variety)

+ Tên giống cây trồng ghi bằng tiếng Việt, nếu cây trồng chưa có ở Việt

Nam thì ghi bằng tiếng Anh hoặc phiên âm La tinh tiếng bản địa:

(Variety names in Vietnamese. If those are not available in Vietnam, named in English
or Latin as well as the original name):

+ Tên khoa học (cụ thể đến loài, họ, bộ):

(Scientific name – exactly to spicity, family and group):

- Đặc điểm thực vật học chủ yếu (Main botanical characteristics):

+ Cây trồng lâu năm (Perennial crops)

+ Cây trồng hàng năm (Annual crops)

+ Miêu tả rõ đặc điểm thực vật học của cây (thân, lá, rễ, hoa quả...); giá trị

sử dụng của cây; cách chế biến, sử dụng để làm gì: (Description of botanical
characteristics (stem, leaf, flower, roots and fruits, ...); using value; processing
method, using purpose)

- Bộ phận sử dụng (Part used):

Thân (stem) Lá (leaves) Rễ (root) Củ (tuber) Hoa (flower)

Quả (fruit) Hạt (seed)

- Giá trị sử dụng (Using value):

Làm lương thực, thực phẩm (Food)

Làm dược liệu (Medical) Thức ăn chăn nuôi (Animal feed)

Làm nguyên liệu cho công nghiệp chế biến (raw materials for processing industry)

Cải tạo môi trường (Environmental improvement)

Các giá trị khác (ghi rõ) (The other value (specified):

3. Cảnh báo các tác hại: Nêu rõ những dự báo tác động xấu của loại cây trồng xuất khẩu đến môi trường sinh thái như đất, nước, sinh vật khác và sức khỏe con người (nếu có)

(Warnings: Specifying the negative impact of exported plants to ecological environment, including soil, water, other organisms and human health (if yes))

Chúng tôi cam đoan và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của những thông tin trong tờ khai kỹ thuật này.

(We are engaging and undertaking full responsibility for the accurate and truth of the information provided in this declaration form)

....., ngày..... tháng..... năm

Date,

Thương nhân xin đăng ký

(Ký tên, đóng dấu) Organization/individual of registration (Signed, Sealed)

